

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/LĐ-ST

Ngày: 05-6-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng lao
động vô hiệu

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 78/2025/TLST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST-LĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Đăng Ái L, sinh năm 2001; Địa chỉ: 3 L, Phường H, thành phố T, Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: 5B, Nguyễn Văn T, khu phố B, phường L, thành phố T.

- Bị đơn: Công ty cổ phần B; địa chỉ: Đường N, Khu S, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Trương Thị Kim H, sinh năm 1993; nơi cư trú: xã H, T, Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: Đường N, Khu S, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2- Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tất cả các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 6/2008 đến tháng 5/2012 ông S có ký kết hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7408100542 tại Công ty cổ phần S1. Từ tháng 6/2016 đến tháng 5/2021 ông S làm việc và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H1. Từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2023 ông làm việc và tham gia đóng bảo hiểm tại công ty TNHH S2.

Do không am hiểu về pháp luật nên trong khoảng thời gian từ năm 2010, ông S có cho em trai mượn giấy tờ mang tên của ông để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần B từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 với mã số Bảo hiểm xã hội 7410206914.

Hiện nay, ông S đang tồn tại hai mã số bảo hiểm xã hội, trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên không thực hiện được thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

Do đó ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thanh S (thực tế Nguyễn Thành M là người lao động) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần B trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu. Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần B trình bày:* Công ty có ký hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thanh S. Thời gian ông S làm việc tại công ty từ năm 2010 đến 2012 thì ông S nghỉ, công ty có đóng bảo xã hội đầy đủ; Do công ty nhiều công nhân và thường xuyên biến động nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là ông M, nên hiện nay thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do thời gian đã lâu, Công ty không còn lưu giữ hồ sơ liên quan trường hợp này. Công ty không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành M trình bày:* Ông và ông S là anh em ruột nên năm 2010 ông có mượn giấy tờ của ông Nguyễn Thanh S để đi xin làm việc tại Công ty cổ phần B và tham gia ký hợp đồng lao động, Công ty B từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 với tên ông S nhưng thực tế người làm việc là ông M. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông S, ông M thống nhất và không có yêu cầu gì đối với vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của ông Nguyễn Thanh S, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* *Tại phiên tòa:*

- Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông Nguyễn Thanh S khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thanh S (do Nguyễn Thành M là người ký kết và thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty cổ phần B, có địa chỉ trụ sở phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu. Đây là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự không cung cấp Hợp đồng lao động giữa Công ty cổ phần B và ông Nguyễn Thanh S. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, ông Nguyễn Thanh S cho em trai là Nguyễn Thành M mượn giấy tờ cá nhân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 tại Công ty Cổ phần B theo mã số Bảo hiểm xã hội 7410206914. Trong khoảng thời gian trên ông S cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần S1 và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7408100524.

Thực tế cá nhân trực tiếp lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty Cổ phần B từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 là Nguyễn Thành M. Việc ông M mượn hồ sơ của ông S để làm việc tại Công ty Cổ phần B là không đúng quy định của pháp luật, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Ông Nguyễn Thanh S, Công ty Cổ phần B không tranh chấp, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 19, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn Công ty Cổ phần B.

- Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa tên ông Nguyễn Thanh S và Công ty Cổ phần B trong thời gian từ tháng 7 năm 2010 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết các chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: ông Nguyễn Thanh S tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000753 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CCTHADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh